

**UNIT 18: WHAT WILL THE WEATHER BE LIKE
TOMORROW?****LESSON 1****I. NEW WORDS**

- storm	: bão
- stormy	: có bão
- snowy	: có tuyết
- popcorn	: ngô rang, bỏng ngô
- spring	: mùa xuân
- summer	: mùa hè
- autumn /'ɔ:.təm/	: mùa thu
- winter	: mùa đông
- a healthy diet	: chế độ ăn uống khoẻ mạnh
- fat	: chất béo, béo
- weather	: thời tiết